TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST Ngày: 06 - 5 -2020 V/v chị Nguyễn Thị Tr ly hôn anh Lê Cao Th	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Son
Ông Lê Mạnh Nhanh
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1990.
- *Bị đơn*: Anh Lê Cao Th, sinh năm 1990.

Đều cư trú: Thôn Hội Xá, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

Chị Nguyễn Thị Tr và anh Lê Cao Th kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Tp. Hà Nội ngày 02/10/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng ở nhà chồng, quá trình chung sống không có hạnh phúc đến cuối tháng 12/2018 thì phát sinh mẫu thuẫn là do anh Th không có lập trường quan điểm, vợ chồng không hòa hợp trong cách suy nghĩ, lối sống, thường xuyên cãi nhau. Khi con chung đầy tháng, gia đình chị Tr lên đón về bên ngoại chơi theo phong tục một thời gian, chị Tr không hiểu lý do gì anh Th

mang trả hết quần áo của chị, sau đó gia đình chồng nhiều lần khong cho cị về nhà chồng nữa. Từ tháng 9/2019 vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Chị xác định không còn tình cảm gì với anh Lê Cao Th và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung: Lê Quang Minh, sinh ngày 09/5/2019. Vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi con chung và có thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu về trợ cấp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chi Trang trình bày khi chị kết hôn được gia đình bố mẹ đẻ cho chị 01 cây vàng ta, là vàng nhẫn và dây đeo cổ loại 9999, chị đã nhập số tài sản này vào tài sản chung của gia đình và đưa cho gia đình nhà chồng cất giữ. Nay tại Tòa chị yêu cầu xem xét tài sản chung này theo pháp luật.

Về công nợ: Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn anh Lê Cao Th trình bày: Anh chị có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Sơn năm 2017. Quá trình chung sống được vài tháng đầu sau đó thì chị Tr về nhà mẹ đẻ ở, có lúc lúc thì ở nhà chị gái ở Hà Đông. Về tình cảm vợ chồng cũng có đôi chút xích mích. Bản thân anh cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, đến tháng 7/2019 vợ chồng không còn chung sống với nhau. Chị Tr xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung: Lê Quang Minh, sinh ngày 09/5/2020. Vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp không được anh đề nghị giải quyết con chung theo pháp luật.

Về tài sản chung: Anh trình bày vợ chồng khi kết hôn được gia đình nhà vợ cho 1,1 cây vàng (11 chỉ) là vàng nhẫn và dây đeo cổ loại 9999. được gia đình anh cho 06 chỉ vàng loại 9999. Chị Tr đã nhập số vàng của gia đình chị cho khi cưới là 1,1 cây vàng thành tài sản chung vợ chồng. Số vàng này hiện anh đang cất giữ. Nay chi Trang có yêu cầu về tài sản. Anh không đề nghị chia mà xin giao toàn bộ số vằng 1,1 cây cho chị Tr được quản lý và sở hữu. Anh sẽ trao trả số vàng này cho chị Tr tại phiên tòa.

Về công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr và anh Th vẫn giữ nguyên các quan điểm như đã trình bày ở trên.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng quy trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời

hạn của vụ án. Đối với nguyên đơn, bị đơn: Chấp hành đúng quy định tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các thủ tục, quy trình và thực hiện xét xử công tâm, khách quan.

Về đường lối: Đề nghị hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn anh Lê Cao Th.

Về con chung: Giao chị Tr được nuôi con chung Lê Quang Minh và ghi nhận chị Tr không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ghi nhận anh Th tự nguyện sẽ trả chị Tr 1, 1 cây vàng tài sản chung của vợ chồng,

Về công nợ chung: Vợ chồng không có và không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Lê Cao Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND xã Hương Sơn là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn: Chị Tr trình bày vợ chồng chung sống không hạnh phúc do cách suy nghĩ, lối sống không hòa hợp nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, anh và chị đãn sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Hiện tại chị Tr không còn tình cảm vợ chồng với anh Th, tại phiên tòa anh Th cũng không xin đoàn tụ mà nhất trí yêu cầu ly hôn của chị Tr. HĐXX cần chấp nhận chấp nhận yêu cầu ly hôn của các đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xa hội.

Về con chung: Anh chị đều thừa nhận có 1 con chung là: Lê Quang Minh, sinh ngày 09/5/2019. Xét thấy cháu Minh hiện chưa đủ 12 tháng tuổi, hiện đang ở với mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Còn đối với anh Th thường xuyên phải đi làm xa nhà, nên cần thiết giao cháu Minh cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng vì con chung dưới 36 tháng tuổi cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của luật hôn nhân và gia đình. Chị Tr không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới về người trực tiếp

nuôi con và trợ cấp nuôi con chung nên không xem xét. Anh Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự. Xác định khối tài sản 1,1 cây vàng (11 chỉ) vàng nữ trang (loại 9999) là tài sản chung của vợ chồng chị Tr và anh Th. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không đề nghị chia tài sản và xin giao toàn bộ số vàng trên cho chị Tr được quản lý và sở hữu, định đoạt khi ly hôn, được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá thị trường ở địa phương và tại thời điểm xét xử là 46.450.000/1 chỉ *1,1 cây vàng (11 chỉ) = 51.095.000 đồng. Anh Th đã trả lại toàn bộ số vàng này cho chị Tr tại phiên tòa.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ, điều 147, điều 273, 271 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu…án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Lê Cao Th.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là: Lê Quang Minh, sinh ngày 09/5/2019. Giao cháu Minh cho chị Tr tiếp tục được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con và trợ cấp nuôi con chung. Anh Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đã thanh toán trả đủ cho chị Tr 1,1 cây vàng loại vàng nữ trang (9999) được quy đổi ra tiền Việt Nam có giá trị là 51.095.000 đồng.

Về công nợ chung: Anh, chị đều trình bày không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo biên lai thu số 0002669 ngày 10/3/2020 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức – thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị Tr còn phải chịu án phí thỏa thuận chia tài sản chung số tiền là 1.277.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung chị Tr đã nộp là 1.193.500 đồng theo biên lai thu số 0002719 ngày 26/3/2020 tại chi cục thi

hành án dân sự huyện Mỹ Đức – thành phố Hà Nội. Chị Tr còn phải nộp 83.500 đồng án phí chia tài sản chung.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-TANDTP. Hà Nội
-VKSND huyện Mỹ Đức
-Nguyên đơn, bị đơn
- UBND xã Hương Sơn
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hồng